



CHƯƠNG II

TƯ BẢN & GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



NỘI DUNG

**I. SỰ CHUYỂN HÓA TIỀN TỆ THÀNH
TƯ BẢN**

II. QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT TBCN

III. TIỀN CÔNG DƯỚI CNTB



I. SỰ CHUYỂN HÓA TIỀN TỆ THÀNH TƯ BẢN

1. Công thức chung của Tư bản
2. Mâu thuẫn của công thức chung
3. Hàng hóa – Sức lao động



1. Công thức chung của Tư bản

- Mọi tư bản đều biểu hiện dưới hình thức tiền tệ
Tuy nhiên, bản thân tiền tệ không phải lúc nào cũng là tư bản.
Tiền tệ chỉ biến thành tư bản trong những điều kiện nhất định.



1. Công thức chung của Tư bản

- *Tiền tệ thông thường* biểu hiện trong công thức:

$$H - T - H (1)$$

Còn ‘*Tiền tệ – Tư bản*’ thì vận động theo công thức:

$$T - H - T' (T' > T) (2)$$

Marx:

- **CT (1)** : Công thức lưu thông hàng hóa giản đơn
- **CT (2)**: Công thức lưu thông tư bản (hay CT chung của TB)
- Số tiền ứng ra ban đầu (T): “**Tư bản**”
- Số tăng thêm (T): “**Giá trị Thặng dư**”

2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư

bản

Công thức chung của TB (T-H-T') chứa đựng một mâu thuẫn

- **Một mặt**

Theo qui luật giá trị, trao đổi phải theo nguyên tắc ngang giá ($a=b, b=c$)

- **Mặt khác**

Thông qua trao đổi người ta đã thu một số giá trị lớn hơn ($c > a$)



2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản

Marx:

Chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn nằm trong hàng hoá mà nhà tư bản mua được

Đó phải là một loại hàng hoá đặc biệt, khi tiêu dùng sẽ tạo ra một giá trị mới lớn hơn.

Đó là

Hàng hóa - Sức lao động



3. Hàng hoá - SLĐ

- *Sức lao động là năng lực lao động của con người, bao gồm toàn bộ thể lực và trí lực mà người ta có thể vận dụng để tạo ra của cải. vật chất*
 - *Sức lao động chỉ trở thành hàng hóa khi hội đủ hai điều kiện:*
 - *Người có SLĐ phải được tự do về thân thể;*
 - *Người có SLĐ phải bị tước đoạt hết TLSX*
- HH -SLĐ là một phạm trù lịch sử***



3. Hàng hoá - SLĐ

- HH – SLĐ cũng có hai thuộc tính: *Giá trị* và *Giá trị sử dụng*.

Giá trị của HH – SLĐ

Được xác định bởi giá trị của toàn bộ các tư liệu sinh hoạt cần thiết, cùng với phí tổn để đào tạo nghề nghiệp cho người lao động

Chứa đựng các yếu tố tinh thần, lịch sử và dân tộc nên có tính linh hoạt, co giãn



3. Hàng hoá - SLĐ

Giá trị sử dụng của HH – SLĐ

Có khả năng thỏa mãn nhu cầu của người mua

Khi được sử dụng, HH – SLĐ có khả năng tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn

Số chênh lệch này chính là Giá trị thặng dư.

Như vậy

HH- SLĐ là một loại hàng hoá đặc biệt



II. QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT TBCN

1. Sản xuất Giá trị thặng dư
2. Bản chất của tư bản – Tư bản bất biến và Tư bản khả biến
3. Tỷ suất GTTD và Khối lượng GTTD
4. Hai phương pháp nâng cao Tỷ suất GTTD
5. Quy luật kinh tế cơ bản của PTSX TBCN



1. Sản xuất Giá trị thặng dư

Quá trình s.x TBCN là sự thống nhất của hai mặt

Một mặt

Là quá trình kết hợp sức lao động với tư liệu sản xuất để sản xuất ra các giá trị sử dụng (Điểm chung)

Mặt khác

Là quá trình sản xuất ra giá trị và giá trị thặng dư (Điểm riêng)



1. Sản xuất Giá trị thặng dư

Quá trình sản xuất giá trị thặng dư được tiến hành như sau (Ví dụ: DN sản xuất sợi):

- Để sản xuất nhà tư bản phải mua sắm các yếu tố sản xuất , gồm:
 - *Bông 1 kg: 5 USD*
 - *Hao phí máy biến 1 kg bông - 1 kg sợi: 2 USD*
 - *Sức lao động một ngày 12 giờ: 3 USD*

Tổng cộng : 10 USD (Theo đúng giá trị)



1. Sản xuất giá trị thặng dư

- **Tiến hành sản xuất**

Giả định:

- ***Với lao động cụ thể, sau 6 giờ người công nhân hoàn thành công việc, biến 1 kg bông thành 1 kg sợi***

- ***Với lao động trừu tượng, trong mỗi giờ người công nhân tạo ra một giá trị mới là 0,5 USD.***

Như vậy, sau 6h lao động, người công nhân đã tạo ra 1 kg sợi có giá trị là ... USD

Trong đó: Giá trị TLSX hao phí là ... USD

Giá trị mới do hao phí SLĐ là: USD



1. Sản xuất giá trị thặng dư

- **Nếu quá trình sx kết thúc tại thời điểm này (6h) thì sẽ không có giá trị thặng dư**

Tuy nhiên

Nhà TB mua SLĐ là để sử dụng trong 12 giờ, do đó người CN phải tiếp tục làm việc thêm 6 giờ nữa

Trong 6 giờ sau, người CN cũng tạo ra 1 kg sợi có giá trị là 10 USD



1. Sản xuất giá trị thặng dư

■ Như vậy, cộng cả ngày lao động người công nhân đã tạo ra 2 kg sợi có giá trị là 20 USD

Trong đó, giá trị của 2kg bông là 10 USD, hao phí máy là 4 USD, và giá trị mới do công nhân tạo ra là 6 USD.

Trong khi nhà tư bản chỉ phải ứng ra có 17 USD (gồm 14 USD giá trị TLSX và 3 USD giá trị SLĐ).

Kết quả là, khi bán 2 kg sợi theo đúng giá trị nhà tư bản sẽ thu về được 3 USD giá trị thặng dư



1. Sản xuất giá trị thặng dư

- **Tim hiểu nguồn gốc của 3\$ giá trị thặng dư**
Phân tích giá trị sản phẩm sản xuất ra (2kg sợi), có hai phần:
 - *Giá trị của TLSX hao phí (14 USD), gọi là ‘Giá trị cũ chuyển dịch’*

Phần giá trị này trước sau không đổi

- *Giá trị do hao phí SLĐ của công nhân tạo ra (6 USD), gọi là ‘Giá trị mới sáng tạo’*

Giữa phần giá trị mới sáng tạo và giá trị SLĐ của công nhân có sự chênh lệch.



1. Sản xuất giá trị thặng dư

Nguyên nhân là do dưới CNTB năng suất lao động xã hội đã đạt tới trình độ cao

Chỉ cần một phần ngày lao động, người công nhân cũng tạo ra được một lượng giá trị ngang bằng với giá trị sức lao động nhà tư bản trả, gọi là “Thời gian lao động cần thiết”

Phần ngày lao động còn lại được gọi là “Thời gian lao động thặng dư”

Trong thời gian lao động thặng dư, bao nhiêu giá trị mới do công nhân tạo ra đều bị nhà tư bản chiếm đoạt.



1. Sản xuất giá trị thặng dư

■ Kết luận

- *Sự chuyển hóa của tiền tệ thành tư bản vừa diễn ra trong lưu thông lại vừa diễn ra ở ngoài lưu thông.*

Lưu thông là điều kiện cần thiết không thể thiếu, nhưng giá trị thặng dư lại được tạo ra trong lĩnh vực sản xuất (ngoài lưu thông)

‘Công thức chung của tư bản’ phải biểu diễn dưới dạng đầy đủ sau :

T – H (SLĐ + TLSX) ... SX ... H’ - T’



1. Sản xuất giá trị thặng dư

Marx:

Tư bản không thể xuất hiện trong lưu thông cũng không thể xuất hiện ở ngoài lưu thông. Nó phải xuất hiện trong lưu thông đồng thời cũng không phải trong lưu thông



1. Sản xuất giá trị thặng dư

Kết luận

- *Nếu quá trình sản xuất chỉ kéo dài tới điểm đủ để bù đắp lại giá trị SLĐ thì chỉ có **quá trình sản xuất giá trị giản đơn***

*Khi **vượt** quá điểm này thì mới có quá trình sản xuất giá trị thặng dư.*

***Quá trình sản xuất giá trị thặng dư** là quá trình sản xuất ra giá trị **vượt** quá điểm bù đắp giá trị SLĐ*



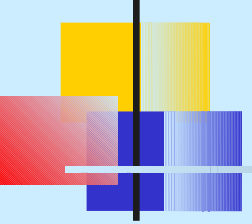
1. Sản xuất giá trị thặng dư

- **Kết luận**

- **Giá trị thặng dư:**

Là phần giá trị do người công nhân làm thuê tạo ra thêm ngoài giá trị SLĐ

Là kết quả lao động không công của người công nhân và bị nhà tư bản chiếm đoạt



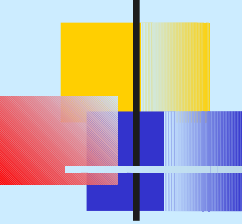
2. Bản chất của Tư bản – Tư bản bất biến và Tư bản khả biến

a) Bản chất của Tư bản

Tư bản là giá trị đem lại giá trị thặng dư bằng cách bóc lột lao động làm thuê.

Tư bản không phải là một vật mà là một quan hệ xã hội: Quan hệ bóc lột của giai cấp tư sản và giai cấp vô sản làm thuê.

Vật nào chứa đựng mối quan hệ này sẽ trở thành TB



2. Bản chất của Tư bản – Tư bản bất biến và Tư bản khả biến

b) TB Bất biến và TB Khả biến

- Trong quá trình sản xuất GTTD
Các bộ phận khác nhau của tư bản có vai trò khác nhau.



TB Bất biến và TB Khả biến

Bộ phận tư bản dùng để mua TLSX, tồn tại dưới hình thái các TLSX, giá trị không biến đổi trong quá trình sản xuất được gọi là ‘Tư bản Bất biến’

□ TB Bất biến đóng vai trò gián tiếp, chỉ là điều kiện để sản xuất giá trị thặng dư



TB Bất biến và TB Khả biến

*Bộ phận tư bản dùng để mua SLĐ, tuy không tái hiện ra trong quá trình s.x, nhưng thông qua lao động của người công nhân làm thuê mà giá trị có sự biến đổi (gia tăng) được gọi là **‘Tư bản Khả biến’***

▣ TB Khả biến đóng vai trò trực tiếp trong việc sản xuất giá trị thặng dư, là nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư



TB Bất biến và TB Khả biến

- **Với sự phân chia tư bản thành TBBB và TBKB**

*Marx đã chỉ rõ **nguồn gốc duy nhất của giá trị thặng dư** chính là **lao động của người công nhân làm thuê***

- **Như vậy: Cơ cấu của giá trị hàng hoá là:**

$$**w = c + v + m = k + m**$$

Trong đó:

- w** - Giá trị hàng hoá*
- c** - Tư bản bất biến*
- v** - Tư bản khả biến*
- m** - Giá trị thặng dư*
- k** - Tư bản*



3. Tỷ suất GTTD và Khối lượng GTTD

Tỷ suất giá trị thặng dư (m')

- Là tỉ lệ % giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến

$$m' = \frac{m}{v} \times 100\%$$

- Biểu thị mức độ bóc lột của nhà TB
- CNTB càng phát triển thì (m') có xu hướng càng tăng.



3. Tỷ suất GTTD và Khối lượng GTTD

Khối lượng giá trị thặng dư (M)

- Là tổng số giá trị thặng dư thu được với một tỷ suất giá trị thặng dư và một khối lượng tư bản khả biến nhất định

$$M = m' \cdot V$$

$$(V = v \cdot \text{Số CN})$$

- Phản ánh qui mô của sự bóc lột nhà TB
- CNTB càng phát triển thì (M) càng tăng

4. Hai phương pháp nâng cao Tỷ suất GTTD của CNTB

Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối

- Là phương pháp nâng cao Tỷ suất GTTD (m') bằng cách kéo dài ngày lao động một cách tuyệt đối (trong điều kiện giả định thời gian lao động cần thiết là không đổi).

Ví dụ



Phương pháp sản xuất GTTD tuyệt đối

- **Tham vọng của nhà tư bản là muốn kéo dài ngày lao động tới mức tối đa (24 / 24) nhưng điều này không thể thực hiện được vì:**

- Ngày lao động có giới hạn tự nhiên của nó, đó là giới hạn về thể chất và tinh thần của người lao động

- Cuộc đấu tranh của công nhân.

Tuy nhiên, ngày lao động cũng không thể rút ngắn tới mức chỉ bằng thời gian lao động cần thiết

Vì như vậy sẽ không có giá trị thặng dư và không có CNTB



Phương pháp sản xuất GTTD tuyệt đối

- Một hình thức khác của phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là **‘Tăng cường độ lao động’**

Tăng cường độ lao động cũng giống như kéo dài thời gian lao động

Đây là phương pháp của CNTB hiện đại



Phương pháp sản xuất GTTD tương đối

- Là phương pháp nâng cao tỷ suất GTTD (m') bằng cách rút ngắn thời gian lao động cần thiết, nhờ đó kéo dài thời gian lao động thặng dư (trong điều kiện giả định ngày lao động là không đổi)

Ví dụ



Phương pháp sản xuất GTTD tương đối

Phương pháp rút ngắn TGLĐCT là hạ thấp giá trị sức lao động, bằng cách hạ thấp giá trị các tư liệu sinh hoạt, trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội.

Khi năng suất lao động xã hội tăng

Giá trị hàng hóa - dịch vụ (tư liệu sinh hoạt) cần thiết ↓ Giá trị sức lao động ↓ Thời gian lao động cần thiết ↓ Thời gian lao động thặng dư ↑

Tỷ suất giá trị thặng dư ↑



Phương pháp sản xuất GTTD tương đối

Tuy nhiên, giá trị thặng dư tương đối không phải là **động lực trực tiếp** thúc đẩy các nhà tư bản tăng năng suất lao động, mà **động lực trực tiếp** là **Giá trị thặng dư siêu ngạch**.

Giá trị thặng dư siêu ngạch là phần giá trị thặng dư thu trội hơn giá trị thặng dư bình thường nhờ giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị xã hội.



5. Qui luật kinh tế cơ bản của PTSX TBCN

a) Nội dung – Ý nghĩa

Mỗi PTSX đều có một Qui luật kinh tế cơ bản

Qui luật kinh tế cơ bản là qui luật giữ vai trò chủ đạo, phản ánh bản chất và quyết định xu hướng vận động của phương thức sản xuất đó

Qui luật kinh tế cơ bản của PTSX. TBCN là:

Qui luật Sản xuất giá trị thặng dư



5. Quy luật kinh tế cơ bản của PTSX TBCN

- **Nội dung:**

Tạo ra ngày càng nhiều giá trị thặng dư cho tư bản bằng cách không ngừng tăng cường bóc lột lao động làm thuê.

Marx:

“ Mục đích của sản xuất TBCN là làm giàu, là nhân giá trị lên, là làm tăng giá trị, do đó là bảo tồn giá trị trước và tạo ra giá trị thặng dư. Đó là qui luật tuyệt đối của phương thức sản xuất đó”



5. Qui luật kinh tế cơ bản của PTSX TBCN

- *Ý nghĩa*

Qui luật sản xuất GTTD chỉ rõ hai đặc điểm thuộc về bản chất của CNTB, đó là:

Mục đích của nền sản xuất TBCN:

.....

Phương tiện để đạt tới mục đích:

.....



5. Quy luật kinh tế cơ bản của PTSX TBCN

b) Tính đặc thù của phương thức bóc lột GTTD

Giá trị thặng dư và Phương thức bóc lột giá trị thặng dư là phạm trù riêng có và là đặc trưng của PTSX

So với các phương thức bóc lột khác, phương thức bóc lột giá trị thặng dư có những đặc điểm sau:

- Khát vọng bóc lột là không có giới hạn*
- Phương pháp bóc lột tinh vi, được che giấu bằng quan hệ mua bán sòng phẳng*
- Tiền đề của sự bóc lột là sự lệ thuộc về kinh tế*



5. Qui luật kinh tế cơ bản của PTSX TBCN

c) Tác dụng của qui luật

Qui luật sản xuất giá trị thặng dư quyết định toàn bộ quá trình vận động của PTSX. TBCN.

Một mặt

Thúc đẩy CNTB ra đời và phát triển,

Mặt khác

Làm cho các mâu thuẫn của CNTB thêm gay gắt, đưa CNTB tới chỗ diệt vong



III. TIỀN CÔNG DƯỚI CNTB

- 1. Bản chất của tiền công dưới CNTB**
- 2. Các hình thức cơ bản của tiền công dưới CNTB**
- 3. Xu hướng hạ thấp tiền công thực tế dưới CNTB**

